

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC SƯ PHẠM ÂM NHẠC

Mã số: 71.40.221

(Ban hành kèm theo Quyết định số 315/QĐ-ĐHHV ngày 07/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương)

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

STT	Học phần	Số TC
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	35
I.1	Bắt buộc	33
-	Lý luận chính trị	11
-	Ngoại ngữ đại cương	10
-	Tin học đại cương	2
-	Pháp luật đại cương	2
-	Kỹ năng mềm	2
-	Kiến thức Toán, KHTN, KHXH	6
-	Giáo dục thể chất	(90 giờ)
-	Giáo dục quốc phòng và an ninh	(165 giờ)
I.2	Tự chọn (theo lĩnh vực hoặc nhóm ngành)	2
II	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	22
II.1	Bắt buộc	20
II.2	Tự chọn	2
III	KIẾN THỨC NGÀNH	39
III.1	Bắt buộc	37
III.2	Tự chọn	2
IV	KIẾN THỨC ĐÀO TẠO NĂNG LỰC SƯ PHẠM	24
IV.1	Bắt buộc	22
IV.2	Tự chọn	2
V	THỰC TẬP, ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP	10
-	Thực tập sư phạm 1	2
-	Thực tập sư phạm 2	3
-	Đề án tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế đề án tốt nghiệp	5
TỔNG:		130

2. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học phần học trước
				LT	TH/TN/TL	Tự học	
I		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	35				
I.1		Bắt buộc	33				
1	DPT319	Triết học Mác – Lênin	3	30	30	90	
2	DPT220	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	20	20	60	DPT319
3	DPT215	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	20	60	DPT220
4	DPT207	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	20	60	DPT215
5	DPT221	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	20	60	DPT207

		Ngoại ngữ đại cương (Chọn 1 ngoại ngữ)					
6 7 8 9	LCE315	Tiếng Anh 1	3	30	30	90	
	LCE216	Tiếng Anh 2	2	20	20	60	
	LCE317	Tiếng Anh 3	3	30	30	90	
	LCE218	Tiếng Anh 4	2	20	20	60	
	LCC350	Tiếng Trung 1	3	30	30	90	
	LCC251	Tiếng Trung 2	2	20	20	60	
	LCC252	Tiếng Trung 3	2	20	20	60	
	LCC353	Tiếng Trung 4	3	30	30	90	
6	JAP401	Tiếng Nhật 1	4	45	30	125	
7	JAP402	Tiếng Nhật 2	4	45	30	125	
8	JAP203	Tiếng Nhật 3	2	20	20	60	
10	PHE101	Giáo dục thể chất 1	(1)				
11	PHE102	Giáo dục thể chất 2	(1)				
12	PHE103	Giáo dục thể chất 3	(1)				
13	NDE801	Giáo dục quốc phòng và an ninh	(165T)				
14	CPS201	Tin học đại cương	2	10	40	50	
15	PSY234	Kỹ năng mềm	2	15	30	55	
16	DPT213	Pháp luật đại cương	2	20	20	60	
17	MUE201	Phương pháp NCKH chuyên ngành Âm nhạc	2	15	30	55	
18	PHI248	Tiếng Việt thực hành	2	20	20	60	
19	MUE265	Lịch sử âm nhạc Thế giới	2	20	20	60	
I.2		Tự chọn (Chọn 1 học phần)	2				
20	DPT217	Xã hội học đại cương	2*	20	20	60	
	PHI202	Mỹ học đại cương	2*	20	20	60	
	TAC202	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2*	20	20	60	
II		KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	22				
II.1		Bắt buộc	20				
21	MUE366	Phương pháp dạy học âm nhạc	3	30	30	90	
22	MUE303	Lí thuyết âm nhạc 1	3	30	30	90	
23	MUE204	Lí thuyết âm nhạc 2	2	20	20	60	MUE303
24	MUE305	Kí Xướng âm 1	3	15	60	75	
25	MUE306	Kí Xướng âm 2	3	15	60	75	MUE305
26	MUE254	Kí Xướng âm 3	2	10	40	50	MUE306
27	MUE255	Kí Xướng âm 4	2	10	40	50	MUE254
28	MUE256	Kí Xướng âm 5	2	10	40	50	MUE255
II.2		Tự chọn (Chọn 1 học phần)	2				
29	MUE209	Âm nhạc cổ truyền Việt Nam	2*	15	30	55	
	MUE211	Phối hợp xướng	2*	15	30	55	
	MUE240	Nghệ thuật học đại cương	2*	15	30	55	
III		KIẾN THỨC NGÀNH	39				
III.1		Bắt buộc	37				
30	MUE167	Thanh nhạc 1	1	3	24	23	
31	MUE168	Thanh nhạc 2	1	3	24	23	MUE167
32	MUE169	Thanh nhạc 3	1	3	24	23	MUE168
33	MUE170	Thanh nhạc 4	1	3	24	23	MUE169



34	MUE171	Thanh nhạc 5	1	3	24	23	MUE170
35	MUE172	Thanh nhạc 6	1	3	24	23	MUE171
36	MUE173	Thanh nhạc 7	1	3	24	23	MUE172
37	MUE174	Thanh nhạc 8	1	3	24	23	MUE173
38	MUE175	Nhạc cụ 1	1	3	24	23	
39	MUE176	Nhạc cụ 2	1	3	24	23	MUE175
40	MUE177	Nhạc cụ 3	1	3	24	23	MUE176
41	MUE178	Nhạc cụ 4	1	3	24	23	MUE177
42	MUE179	Nhạc cụ 5	1	3	24	23	MUE178
43	MUE180	Nhạc cụ 6	1	3	24	23	MUE179
44	MUE181	Nhạc cụ 7	1	3	24	23	MUE180
45	MUE182	Nhạc cụ 8	1	3	24	23	MUE181
46	MUE283	Hát đồng ca, Hợp xướng	2	10	40	50	
47	MUE322	Hoà âm	3	30	30	90	
48	MUE284	Phân tích tác phẩm âm nhạc 1	2	20	20	60	
49	MUE224	Phân tích tác phẩm âm nhạc 2	2	20	20	60	MUE284
50	MUE285	Chỉ huy	2	10	40	50	
51	MUE358	Hát dân ca	3	15	60	75	
52	MUE286	Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp	2	10	40	50	MUE358 MUE387
53	MUE249	Tổ chức sự kiện	2	15	30	55	
54	MUE387	Múa và biên đạo múa	3	15	60	75	
III.2		Tự chọn (Chọn 1 học phần)	2				
55	MUE230	Phức điệu	2*	15	30	55	
	ART237	Lễ hội thời trang	2*	15	30	55	
	MUE288	Hòa tấu nhạc cụ	2*	15	30	55	
IV		KIẾN THỨC ĐÀO TẠO NĂNG LỰC SỰ PHẠM	24				
IV.1		Bắt buộc	22				
56	PSY314	Tâm lý học giáo dục	3	30	30	90	
57	PSY335	Giáo dục học	3	30	30	90	
58	PSY217	Giao tiếp sự phạm	2	15	30	55	
59	PSY205	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	20	20	60	
60	MUE333	Sáng tác ca khúc	3	20	50	80	
61	PSY236	Rèn luyện nghiệp vụ sự phạm cơ bản	2	10	40	50	
63	MUE289	Rèn luyện nghiệp vụ sự phạm ngành Âm nhạc	2	5	50	45	PSY236
64	MUE390	Tin học chuyên ngành	3	15	60	75	CPS201
65	MUE228	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	2	20	20	60	
IV.2		Tự chọn (Chọn 1 học phần)	2				
66	MUE239	Thực hành sự phạm âm nhạc	2*	15	30	55	
	MUE291	Piano phổ thông	2*	15	30	55	
	MUE238	Giới thiệu nhạc cụ	2*	15	30	55	
V		THỰC TẬP, ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP	10				
67	MUE242	Thực tập sự phạm 1	2		60	40	
68	MUE343	Thực tập sự phạm 2	3		90	60	
69	MUE592	Đề án tốt nghiệp	5		150	100	



		Học phần chuyên môn thay thế đề án tốt nghiệp	5				
70	MUE393	Kiến thức âm nhạc tổng hợp	3	20	50	80	
71	MUE294	Thực hành biểu diễn nghệ thuật	2	10	40	50	
Tổng:			130				